

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình xây dựng Thông tư năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 2886/QĐ-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng thời, trên cơ sở rà soát các quy định nhằm thực hiện chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì xây dựng dự thảo *Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-NHNN ngày 28/10/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức*.

II. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Thông tư được xây dựng với định hướng sau:

- Nâng cấp lên dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4, ... nhằm giảm thiểu tối đa thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện TTHC linh hoạt bằng nhiều hình thức với chi phí thấp nhất.

- Xóa bỏ một số thành phần hồ sơ có nội dung trùng lặp.

- Điều chỉnh một số nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Cục Quản lý ngoại hối.

- Rà soát lại tên gọi của các đơn vị trong Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các khu vực cho phù hợp với Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam....

II. BẢNG SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH NHỮNG ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA DỰ THẢO THÔNG TƯ VỚI THÔNG TƯ SỐ 20/2015/TT-NHNN

Điều	Thông tư số 20/2015/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức	Điều 5. Thời hạn của Giấy phép Khoản 1, Khoản 2 Điều 5: “Thời hạn của Giấy phép (là thời hạn sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài) được xem xét căn cứ vào: 1. Thời hạn hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong trường hợp văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài không quy định thời hạn hiệu lực, thời hạn của Giấy phép tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp Giấy phép; hoặc 2. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng vay nước ngoài giữa bên đi vay nước ngoài và bên cho vay nước ngoài; hoặc”	Điều 5. Thời hạn của Giấy phép Khoản 1, Khoản 2 Điều 5: “Thời hạn của Giấy phép (là thời hạn sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài) được xem xét căn cứ vào: 1. Thời hạn hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp Giấy phép; hoặc 2. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng vay nước ngoài giữa bên đi vay nước ngoài và bên cho vay nước ngoài; hoặc thời hạn bên đi vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ khoản vay nước ngoài; hoặc”	Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 20/2015/TT-NHNN, việc quản lý thời hạn sử dụng tài khoản nước ngoài căn cứ vào thời hạn của Giấy phép VPĐD ở nước ngoài. Tuy nhiên trên thực tế, thời hạn của Giấy phép VPĐD ở nước ngoài đa dạng, có thời hạn ngắn chỉ từ 2-3 năm, có trường hợp kéo dài tới 5-10 năm, hoặc không quy định thời hạn. Đối với các trường hợp thời hạn dài dẫn tới thời hạn sử dụng tài khoản ở nước ngoài cũng kéo dài, gây khó khăn cho công tác quản lý và theo dõi tình hình hoạt động của tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức. Do đó đề xuất sửa đổi quy định về thời hạn cho phép duy trì tài khoản ở nước ngoài theo hướng căn cứ vào Giấy phép VPĐD ở nước ngoài nhưng tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp Giấy phép
	Điều 6. Nguyên tắc lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt, trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được xác	Điều 6. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này và nhận kết quả thủ tục hành chính theo một trong ba cách thức sau:	Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-NHNN chưa quy định phương thức nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép Bổ sung quy định và thêm phương thức nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công NHNN để nâng cấp lên dịch vụ công

	nhận bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. 2. Đối với các thành phần hồ sơ bản sao, tổ chức nộp bản sao có xác nhận của tổ chức về tính chính xác của bản sao so với bản chính.	a) Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước; b) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước;	trực tuyến
	3. Trường hợp xin mở tài khoản ngoại tệ để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, tổ chức phải thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật hiện hành đối với văn bản của cơ quan có thẩm quyền của bên nước ngoài cho phép tổ chức được mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.	c) Gửi qua dịch vụ bưu chính. 2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước. 3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước. 4. Các tài liệu trong hồ sơ giấy là bản gốc, bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức về việc sao từ bản chính. 5. Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép phải được lập thành một bộ bằng tiếng Việt, trường hợp hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt, bản dịch phải được xác nhận về tính chính xác so với nội dung tiếng nước ngoài bởi người đại diện hợp pháp của tổ chức, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều	

		này. 6. Trường hợp xin mở tài khoản ngoại tệ để phục vụ hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, tổ chức phải thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật hiện hành đối với văn bản của cơ quan có thẩm quyền của bên nước ngoài cho phép tổ chức được mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.	
	Điều 7. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định cấp và thu hồi Giấy phép. 2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với trường hợp điều chỉnh các nội dung liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.	Điều 7. Thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối xem xét, quyết định cấp, thu hồi Giấy phép và cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với trường hợp điều chỉnh các nội dung liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức.	Sửa đổi thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài là Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối.
	Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép 1. Các tổ chức (trừ tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài, căn cứ vào quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này lập 01 (một) bộ hồ sơ gửi <i>qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).</i>	Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép 1. Các tổ chức (trừ tổ chức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư này) khi có nhu cầu mở tài Khoản ngoại tệ ở nước ngoài, căn cứ vào quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư này lập 01 (một) bộ hồ sơ <i>gửi đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).</i>	Sửa đổi hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với quy định tại Điều 6

	Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế 3. Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt tài liệu của bên nước ngoài chứng minh việc tổ chức kinh tế <i>phải mở tài khoản tại nước sở tại</i> để đáp ứng điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại.	Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của tổ chức kinh tế 3. Bản sao kèm bản dịch tiếng Việt tài liệu chứng minh việc tổ chức kinh tế <i>phải chuyển tiền sang nước sở tại hoặc phải mở tài khoản tại nước sở tại</i> để đáp ứng điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước sở tại	Quy định tại Khoản 3 Điều 11 về việc <i>phải mở tài khoản tại nước sở tại</i> gây khó khăn cho các TCKT vì thực tế cho thấy để đáp ứng điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, VPDD ở nước ngoài, các nước thường: (i) yêu cầu TCKT phải mở tài khoản; (ii) yêu cầu TCKT chứng minh tài chính bằng cách chuyển 1 khoản tiền nhất định sang nước đó để đáp ứng điều kiện cấp phép thành lập VPDD. Bổ sung quy định tại Điều 11 để các TCKT có thể lựa chọn việc đưa ra tài liệu chứng minh việc chuyển tiền sang nước sở tại hoặc phải mở tài khoản tại nước sở tại, tùy theo lựa chọn nào thuận lợi hơn cho TCKT.
	Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện các cam kết với bên nước ngoài	Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ; doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức đối tác công tư (PPP) mở tài khoản để phục vụ việc thực hiện các cam kết với bên nước ngoài Bổ sung Khoản 2a vào sau Khoản 2 Điều 14 như sau: “2a. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”	Theo quy định tại Luật Đầu tư 2020, GCN đăng ký đầu tư được cấp cho dự án đầu tư chỉ có các thông tin liên quan về dự án đầu tư, không có đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, không phải là giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của doanh nghiệp (chủ thể xin mở tài khoản tại nước ngoài).

	Điều 17. Các trường hợp thay đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép 2. Tổ chức (trừ tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) phải thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với một hoặc các nội dung thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này.	Điều 17. Các trường hợp thay đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép 2. Tổ chức (trừ tổ chức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư này) phải thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với một hoặc các nội dung thay đổi quy định tại Khoản 1 Điều này. - Đối với trường hợp quy định tại mục e Khoản 1 Điều này, tổ chức phải nộp hồ sơ trong thời hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hạn”. - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài, tổ chức gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép trong thời hạn muộn nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước thời điểm diễn ra nội dung sửa đổi của Giấy phép	(i) Điều 17 Thông tư 20 không có quy định về thời hạn tổ chức phải nộp hồ sơ xin gia hạn tài khoản (trường hợp mục e Khoản 1 Điều 17). Trên thực tế, phát sinh nhiều trường hợp tổ chức chỉ thực hiện thủ tục xin gia hạn tài khoản sau khi tài khoản đã hết hạn sử dụng theo Giấy phép. Do đó, sẽ phát sinh khoảng trống thời gian kể từ khi tài khoản hết hạn sử dụng đến khi NHNN cấp quyết định gia hạn tài khoản, không phù hợp với quy định của Giấy phép (phải đóng tài khoản khi hết thời hạn sử dụng). (ii) Điều 17 Thông tư 20 chưa quy định cụ thể thời hạn nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện khoản vay nước ngoài.
	Điều 18. Trình tự, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Tổ chức (trừ tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này) có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép phải lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 19 thông tư này <i>gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).</i> 2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép theo Phụ lục số 04 đính kèm Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm	Điều 18. Trình tự, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép 1. Tổ chức (trừ tổ chức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư này) có nhu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy phép phải lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 19 thông tư này <i>gửi đến Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý ngoại hối).</i> 2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Giấy phép theo Phụ lục số 04 đính kèm Thông tư này. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm	Sửa đổi hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với quy định tại Điều 6

	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) thông báo bằng văn bản gửi tổ chức nêu rõ lý do.	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản gửi tổ chức nêu rõ lý do.	
	Điều 19. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép - Điểm c Khoản 2 c) Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài (đối với việc thay đổi, bổ sung hạn mức chuyển tiền hàng năm);	Điều 19. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép - Điểm c Khoản 2 c) Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký (đối với việc thay đổi, bổ sung hạn mức chuyển tiền hàng năm);	Bổ sung thẩm quyền ký, phê duyệt “<i>Quyết định phê duyệt chi phí hàng năm cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài</i>”.
	Điều 20. Thủ tục cấp lại Giấy phép 1. Trường hợp Giấy phép bị mất, rách, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn không sử dụng được hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, tổ chức phải <i>gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối).</i> Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này; b) Bản sao Giấy phép đã được cấp còn hiệu lực (nếu có); c) Văn bản, tài liệu chứng minh về việc Giấy phép đã bị mất, rách, thất lạc, hư hỏng (nếu có).	Điều 20. Thủ tục cấp lại Giấy phép 1. Trường hợp Giấy phép bị mất, rách, thất lạc, hư hỏng do thiên tai, hỏa hoạn không sử dụng được hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, tổ chức phải <i>gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước (Quản lý ngoại hối).</i> Hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại theo Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này; b) Bản sao Giấy phép đã được cấp còn hiệu lực (nếu có); c) Văn bản, tài liệu chứng minh về việc Giấy phép đã bị mất, rách, thất lạc, hư hỏng (nếu có).	Sửa đổi hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với quy định tại Điều 6

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan 1. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối: <i>a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức;</i> <i>b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép, thu hồi Giấy phép và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép (nếu có);</i> <i>c) Xem xét cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép;</i> d) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức; đ) Theo dõi và tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức.		Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan 1. Trách nhiệm của Vụ Quản lý ngoại hối: <i>a) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của tổ chức</i> b) Tiếp nhận, tổng hợp báo cáo liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức; c) Theo dõi và tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề liên quan đến việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của tổ chức.	Sửa đổi trách nhiệm của Cục Quản lý ngoại hối để phù hợp với thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép và Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài tại Điều 7.
Điều 2: Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 20/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Thống		1. Thay đổi cụm từ “Vụ Quản lý ngoại hối” bằng cụm từ “Cục Quản lý ngoại hối” tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 18; Khoản 1 Điều 20; Điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 22; Khoản 2 và điểm b, c Khoản 4 Điều 23; Khoản 1, điểm c Khoản 4, điểm a Khoản 5 Điều 24; Điều 27. 2. Thay đổi cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” và cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước Khu vực)” tại Khoản 4	Thay đổi tên gọi cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài Khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức		Điều 13; điểm d Khoản 3 Điều 19; điểm a, b Khoản 2 Điều 22; Khoản 3 và điểm b Khoản 4 Điều 23; Khoản 3 và điểm a Khoản 5 Điều 24; Điều 27.	
		3. Thay đổi cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục Thanh tra Ngân hàng Nhà nước” tại Khoản 2 Điều 24.	
		4. Thay thế Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-NHNN bằng Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06 ban hành kèm theo Thông tư này.	
		5. Bãi bỏ điểm b Khoản 1, điểm b Khoản 2, điểm b Khoản 3, điểm b Khoản 4, điểm b Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 19.	Bãi bỏ thành phần hồ sơ “ <i>Văn bản giải trình về các nội dung thay đổi kèm theo các tài liệu chứng minh</i> ” tại điểm b Khoản 1, điểm b Khoản 2, điểm b Khoản 3, điểm b Khoản 4, điểm b Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 19 do có nội dung gần như trùng khớp với nội dung tại khoản mục “ <i>Nội dung thay đổi tổ chức đề nghị sửa đổi, bổ sung với NHNN</i> ” và “ <i>Lý do thay đổi</i> ” theo Đơn đề nghị cấp Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép